KHUNG THỎA THUẬN CHUNG

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA CAMPUCHIA

VỀ KẾT NỐI HAI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia (sau đây được gọi chung là "các Bên" hoặc " hai Bên", hoặc gọi riêng là "từng Bên" hoặc "một Bên"),

NHỚ LẠI các cuộc họp do Thủ tướng và Phó Thủ tướng hai nước đồng chủ trì nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai Bên trong một loạt lĩnh vực, nhằm bổ sung lợi thế của mỗi Bên vì sự phát triển và thịnh vượng kinh tế - xã hội của hai nước;

NHẬN THỨC được việc tăng cường hợp tác, kết nối và quan hệ đối tác gần gũi hơn sẽ mang lại những lợi ích kinh tế - xã hội quan trọng và góp phần nâng cao mức sống của nhân dân hai nước;

MONG MUỐN tăng cường quan hệ kinh tế - xã hội giữa hai nước trên cơ sở bình đẳng và hai bên cùng có lợi;

ĐÃ THỐNG NHẤT như sau:

ĐIỀU 1
MỤC TIÊU

Khung thỏa thuận chung về kết nối hai nền kinh tế Việt Nam - Campuchia nhằm tăng cường kết nối kinh tế - xã hội giữa hai nước trên cơ sở bình đẳng và hai bên cùng có lợi thông qua hoạch định và thực hiện Quy hoạch kết nối hai nền kinh tế Việt Nam - Campuchia trong các lĩnh vực chủ yếu trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau;

Kết nối và hợp tác kinh tế nhằm giúp hai nước tận dụng được toàn bộ tiềm năng, thế mạnh của mỗi nước, tạo động lực tăng trưởng kinh tế - xã hội ở mỗi nước vì lợi ích và sự thịnh vượng bền vững của cả hai nước.

ĐIỀU 2
PHẠM VI

Hai bên nhất trí về phạm vi kết nối và hợp tác kinh tế của hai nước trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu sau: giao thông vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không), bưu chính và viễn thông, thương mại, đầu tư, tài chính và ngân hàng, nông nghiệp, du lịch, mỏ và năng lượng và hợp tác giữa các tỉnh biên giới.

ĐIỀU 3
QUY TRÌNH THỰC HIỆN KHUNG THỎA THUẬN CHUNG

Việc hợp tác cần phù hợp với các thông lệ quốc tế, các cam kết hợp tác song phương giữa Việt Nam và Campuchia, các cam kết hợp tác của mỗi nước với các nước khác và các tổ chức quốc tế và khu vực, và với luật và quy định của mỗi nước. Trong quá trình thực hiện Khung Thỏa thuận chung này, các cơ

quan hoặc tổ chức có liên quan của các Bên sẽ họp để thảo luận, đàm phán và làm việc khẩn trương về chi tiết của Quy hoạch kết nối hai nền kinh tế Việt Nam - Campuchia nhằm định hướng cho việc xây dựng các chương trình, dự án và các kế hoạch hành động một cách hữu hiệu và hiệu quả.

ĐIỀU 4
TÀI CHÍNH VÀ NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH

Mỗi Bên sẽ chịu trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi và tìm kiếm các nguồn lực tài chính cho các chi tiêu của bản thân mình liên quan tới việc thực hiện Khung Thỏa thuận chung này và thực hiện Quy hoạch kết nối hai nền kinh tế Việt Nam - Campuchia cũng như việc theo dõi và đánh giá thực hiện Quy hoạch, các chương trình, dự án và kế hoạch hành động.

ĐIỀU 5
QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới bất kỳ tài liệu nào mà Bên này cung cấp cho Bên kia vì mục đích xây dựng Quy hoạch, các chương trình, dự án và kế hoạch hành động được thực hiện theo Khung Thỏa thuận chung này sẽ thuộc về Bên cung cấp tài liệu và các quyền này sẽ được tôn trọng, bảo hộ bởi Bên nhận tài liệu.

2. Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ do một Bên tự xây dựng liên quan tới Quy hoạch, các chương trình dự án và kế hoạch hành động được thực hiện theo Khung Thỏa thuận chung này sẽ chỉ thuộc quyền sở hữu của Bên đó, trừ khi Bên đó cho phép Bên kia hoặc Bên thứ ba sở hữu bất kỳ quyền nào như vậy.

3. Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ được xây dựng bởi những nỗ lực hoặc nguồn lực chung của hai Bên liên quan tới Quy hoạch, các chương trình, dự án

và kế hoạch hành động được thực hiện theo Khung Thỏa thuận chung này, sẽ được hai Bên cùng sở hữu, trừ khi một trong hai Bên hoặc cả hai Bên không muốn cùng sở hữu bất kỳ quyền nào như vậy, và bằng thỏa thuận giữa hai Bên, cho phép hoặc một trong hai Bên, hoặc bên thứ ba được sở hữu các quyền đó.

4. Cả hai Bên đảm bảo rằng các luật có liên quan trong nước của mình cho phép đăng ký, duy trì và bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ được đề cập trong các đoạn 1, 2, 3 của Điều 5 trong Khung Thỏa thuận chung này phù hợp với các luật và quy định hiện hành của mỗi bên.

ĐIỀU 6
BẢO MẬT THÔNG TIN

Không Bên nào được phép tiết lộ hay phổ biến tới bên thứ ba bất kỳ thông tin bí mật nào liên quan đến việc thực hiện Quy hoạch, các chương trình, dự án và kế hoạch hành động được thực hiện theo Khung Thỏa thuận chung này. Trong trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin từ bên thứ ba, cả hai Bên sẽ gặp nhau để thảo luận và nhất trí bằng văn bản trước khi cung cấp thông tin được yêu cầu cho Bên thứ ba.

ĐIỀU 7
BỔ SUNG VÀ CHỈNH SỬA

Khung Thỏa thuận chung này có thể được bổ sung hoặc chỉnh sửa theo thời gian, với sự đồng ý bằng văn bản của các Bên. Bất kỳ việc bổ sung hoặc chỉnh sửa nào được các Bên nhất trí sẽ có hiệu lực sau khi các Bên trao đổi thông báo bằng văn bản ngoại giao. Bất kỳ bổ sung và chỉnh sửa nào đã được nhất trí sẽ được coi là một phần không thể tách rời của Khung Thỏa thuận chung này.

ĐIỀU 8
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Không có nội dung gì trong Khung Thỏa thuận chung này có thể ngăn cản một Bên thực hiện bất kỳ hành động hay biện pháp nào mà bên đó thấy là cần thiết để bảo vệ nhưng không giới hạn đối với: an ninh quốc gia; đạo đức xã hội; cuộc sống và sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật; môi trường; các vật phẩm có giá trị về nghệ thuật, lịch sử và khảo cổ... của nước mình.

ĐIỀU 9
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào liên quan tới việc thực hiện Khung Thỏa thuận chung này hoặc liên quan đến việc xây dựng và thực hiện Quy hoạch kết nối hai nền kinh tế Việt Nam - Campuchia, các chương trình, dự án và kế hoạch hành động sẽ được giải quyết một cách hữu nghị thông qua việc tham vấn và thương lượng giữa các cơ quan chức trách và các cơ quan liên quan của cả hai Bên.

ĐIỀU 10
HIỆU LỰC, THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Khung Thỏa thuận chung này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết năm 2030.

Trong trường hợp bất kỳ bên nào không thể thực hiện được Khung thỏa thuận chung này, bên đó có thể yêu cầu chấm dứt hiệu lực Khung thỏa thuận chung bằng một thông báo bằng văn bản qua các kênh ngoại giao ít nhất 6 tháng trước ngày dự kiến chấm dứt. Trong trường hợp Khung thỏa thuận chung này chấm dứt hiệu lực, việc tiếp tục hay chấm dứt các chương trình, dự án và kế

hoạch hành động đang thực hiện trong khuôn khổ Khung thỏa thuận chung này sẽ căn cứ vào luật pháp và các quy định có liên quan của hai nước.

CHỨNG NHẬN TẠI ĐÂY, các bên ký kết dưới đây, được ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia, đã ký Khung thỏa thuận chung này.

Làm tại Phnôm Pênh ngày 20 tháng 7 năm 2017 thành hai bản chính, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh. Trong trường hợp có bất đồng trong quá trình thực hiện và cách hiểu Khung thỏa thuận chung này, hai Bên nhất trí sử dụng bản tiếng Anh của Khung thỏa thuận chung này làm căn cứ.

TM. CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**TM. CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA CAMPUCHIA**
NGUYỄN CHÍ DŨNG	**CHHAY THAN**
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	**Bộ trưởng cao cấp Bộ Kế hoạch**

JOINT FRAMEWORK AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE ROYAL GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF CAMBODIA
ON
VIET NAM - CAMBODIA ECONOMIC CONNECTIVITY

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Royal Government of the Kingdom of Cambodia and (hereinafter referred to collectively as "the Parties" or "both Parties" or individually as "each Party" or "a Party"),

RECALLING the meetings co-chaired by Prime Ministers and Deputy Prime Ministers of both countries to promote comprehensive cooperation between the two Parties across a wide range of areas so as to complement each other's advantages for mutual socio-economic development and prosperity of both countries;

RECOGNISING that strengthening of cooperation, connectivity and closer partnership will bring about significant socio-economic benefits and contribution to improve the living standards of their people;

DESIRING to strengthen the socio-economic relations between the two countries on the basis of equality and mutual benefits.

HAVE AGREED as follows:

ARTICLE 1
OBJECTIVES

Joint Framework Agreement on Viet Nam - Cambodia Economic Connectivity aims to strengthen the socio-economic connectivity of the two countries on the basis of equality and mutual benefits through the formulation and implementation of the Master Plan for Viet Nam - Cambodia Economic Connectivity in the key sectors on the principles of mutual respect for independence, sovereignty and territorial integrity.

The economic connectivity and cooperation of the two countries aim to enable them to fully gain the respective potential and strengths, creating driving force for long-term socio-economic growth in each country for the sustainable benefits and prosperity of both countries.

ARTICLE 2
SCOPE

Both parties have agreed on scope of the economic connectivity and cooperation of the two countries in key sectors: transportation (road, railway, waterway and civil aviation), posts and telecommunications, commerce, investment, finance and banking, agriculture, tourism, mine and energy and cooperation between border provinces of the two countries.

ARTICLE 3
PROCEDURE OF JOINT FRAMEWORK AGREEMENT IMPLEMENTATION

The cooperation should be in line with international practices, bilateral cooperation commitments between Viet Nam and Cambodia, cooperation

commitments of each country with other countries and international and regional organizations and laws and regulations of each country.

In the implementation of this Joint Framework Agreement, the relevant authorities or agencies of the Parties shall meet to discuss, negotiate and work expeditiously on the details of the Master Plan for Viet Nam - Cambodia Economic Connectivity to provide directions for the formulation of programs, projects, and action plans effectively and efficiently.

ARTICLE 4
FINANCING AND FINANCIAL RESOURCES

Each Party shall be responsible for facilitating and seeking financial resources for its own expenses in relation to the implementation of this Joint Framework Agreement and that of the Master Plan for Viet Nam - Cambodia Economic Connectivity as well as the monitoring and evaluation of the implementation of the Master Plan, programs, projects and action plans.

ARTICLE 5
INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

1. Intellectual property rights in relation to any material provided by one Party to the other Party for the purpose of developing Master Plan, programs, projects and action plans undertaken pursuant to this Joint Framework Agreement shall remain with the Party providing the material and rights will be respected and protected by the Party receiving the material.

2. All intellectual property rights developed independently by a Party in relation to the Master Plan, programs, projects and action plans undertaken pursuant to this Joint Framework Agreement shall be owned solely by that Party unless that Party allows either the other Party or the third party to own any such rights.

3. All intellectual property rights developed as a result of joint efforts or resources of the two Parties in connection with the Master Plan, programs, projects and action plans undertaken pursuant to this Joint Framework Agreement shall be jointly owned by the two Parties, unless either Party or both do not wish to own jointly any such rights, and by agreement between them, allowing either one of the Parties to own solely any such rights or any third Party to own any such rights.

4. Both Parties shall ensure that their respective domestic laws provide for the registration, maintenance and protection of intellectual property rights referred to in paragraphs 1, 2 and 3 of Article 5 in this Joint Framework Agreement in pursuant to the existing laws and regulations of each Party.

ARTICLE 6
CONFIDENTIALITY OF INFORMATION

Neither Party shall disclose or disseminate to any third party any confidential information related to the implementation of the Master Plan, programs, projects and action plans pursuant to this Joint Framework Agreement. In case of the request for information from third party, both Parties shall meet to discuss and agree in writing before providing the requested information to the third party.

ARTICLE 7
AMENDMENTS AND EDITIONS

This Joint Framework Agreement may be amended or edited from time to time by mutual written consent of the Parties. Any amendment or edition, which has been agreed upon by the Parties shall enter into force after the Parties have exchanged diplomatic written notifications. Any agreed amendment or edition shall be deemed to be an integral part of this Joint Framework Agreement.

ARTICLE 8
GENERAL PROVISION

Nothing in this Joint Framework Agreement shall prevent a Party from taking any action or adopting any measure which it considers necessary for protection of, but not constrained to its national security; public morals; human, animal or plant life and health; environment; its articles of artistic, historic and archaeological value.

ARTICLE 9
DISPUTE SETTLEMENTS

Any dispute related to the implementation of this Joint Framework Agreement or related to the development and implementation of the Master Plan for Viet Nam - Cambodia Economic Connectivity , programs, projects and action plans shall be settled with friendship manners through the consultations and negotiations by the relevant authorities and agencies of both Parties.

ARTICLE 10
ENTRY INTO FORCE, VALIDITY AND TERMINATION

This Joint Framework Agreement shall enter into force from the date of signing until the end of the year 2030.

In case any party cannot implement this Joint Framework Agreement, that party may request to terminate this Joint Framework Agreement by a notice in writing through diplomatic channels, at least six months prior to the intended termination date.

In case the Joint Framework Agreement is terminated, the continuation or termination of the on-going programs, projects and action plans within this Joint

Framework Agreement will be based on relevant laws and regulations of both countries.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Royal Government of the Kingdom of Cambodia, have signed this Joint Framework Agreement.

Done in Phnom Penh on July 20, 2017 in two original each copy is in Khmer, Vietnamese and English. In case of dispute during the implementation and interpretation of this Joint Framework Agreement, both Parties agree to use the English version of this Joint Framework Agreement for the basis.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE ROYAL GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF CAMBODIA
NGUYEN CHI DUNG	**CHHAY THAN**
Minister of Planning and Investment	**Senior Minister, Minister of Planning**

ក្របខ័ណ្ឌកិច្ចព្រមព្រៀងរួម
រវាង
រដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម
និង
រាជរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
ស្តីពី
ការតភ្ជាប់សេដ្ឋកិច្ចវៀតណាម-កម្ពុជា

រដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងរាជរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា "តទៅហៅកាត់ថា ភាគីទាំងពីរ ឬ ភាគីនីមួយៗ"

ដោយរំលឹកឡើងវិញ នូវខ្លឹមសារនៃបណ្តាកិច្ចប្រជុំដឹកនាំដោយសហប្រធានជានាយករដ្ឋមន្ត្រី និងកិច្ចប្រជុំដឹកនាំដោយសហប្រធានជាឧបនាយករដ្ឋមន្ត្រីនៃប្រទេសទាំងពីរ បានជំរុញឲ្យមានកិច្ចសហប្រតិបត្តិការទូលំទូលាយរវាងភាគីទាំងពីរលើវិស័យនានា ដើម្បីបំពេញឲ្យគ្នា និងទទួលបានអត្ថប្រយោជន៍ទៅវិញទៅមកសម្រាប់ការអភិវឌ្ឍសេដ្ឋកិច្ច សង្គមកិច្ច និងការរីកចម្រើនរបស់ប្រទេសទាំងពីរ

ដោយទទួលស្គាល់ថា ការពង្រឹងកិច្ចសហប្រតិបត្តិការ ការតភ្ជាប់ និងភាពជាដៃគូជិតស្និទ្ធ នឹងនាំមកនូវផលប្រយោជន៍សេដ្ឋកិច្ច សង្គមកិច្ច និងរួមចំណែកក្នុងការបង្កើនកម្រិតជីវភាពប្រជាជននៃប្រទេសទាំងពីរ

ដោយមានបំណង ពង្រឹងទំនាក់ទំនងសេដ្ឋកិច្ច និងសង្គមកិច្ច រវាងប្រទេសទាំងពីរលើមូលដ្ឋានស្មើភាពគ្នា និងផ្តល់ផលប្រយោជន៍ទៅវិញទៅមក

បានព្រមព្រៀងគ្នា ដូចខាងក្រោម៖

មាត្រា១

គោលបំណង

កិច្ចព្រមព្រៀងរួមស្តីពីការតភ្ជាប់សេដ្ឋកិច្ចវៀតណាម-កម្ពុជា មានគោលបំណងពង្រឹងសេដ្ឋកិច្ច សង្គមកិច្ចរវាងប្រទេសទាំងពីរ លើមូលដ្ឋានស្មើភាពគ្នា និងផ្តល់ផលប្រយោជន៍ទៅវិញទៅមក ដោយរៀបចំ និងអនុវត្តផែនការមេ សម្រាប់ការតភ្ជាប់សេដ្ឋកិច្ចវៀតណាម-កម្ពុជា ក្នុងវិស័យមួយចំនួន លើគោលការណ៍គោរពឯករាជភាព អធិបតេយ្យភាព និងបូរណភាពដែនដីគ្នាទៅវិញទៅមក។

កិច្ចសហប្រតិបត្តិការ និងការតភ្ជាប់សេដ្ឋកិច្ចនៃប្រទេសទាំងពីរ សំដៅទទួលបាននូវសក្តានុពលពេញលេញ និងធនធានក្នុងការបង្កើតកម្លាំងស្នូល សម្រាប់កំណើនសេដ្ឋកិច្ច សង្គមកិច្ច រយៈពេលវែងនៅក្នុងប្រទេសនីមួយៗ ដើម្បីជាប្រយោជន៍ និងការរីកចម្រើនរបស់ប្រទេសទាំងពីរប្រកបដោយចីរភាព។

មាត្រា២

វិសាលភាព

ភាគីទាំងពីរបានឯកភាពលើវិសាលភាពនៃកិច្ចសហប្រតិបត្តិការ និងការតភ្ជាប់សេដ្ឋកិច្ចប្រទេសទាំងពីរ ដែលរួមមាន ៖ វិស័យដឹកជញ្ជូន(ផ្លូវគោក ផ្លូវដែក ផ្លូវទឹក និងអាកាសចរណ៍ស៊ីវិល) ប្រៃសណីយ៍និងទូរគមនាគមន៍ ពាណិជ្ជកម្ម វិនិយោគ ហិរញ្ញវត្ថុនិងធនាគារ កសិកម្ម ទេសចរណ៍ រ៉ែនិងថាមពល និងបណ្តាខេត្តជាប់ព្រំដែននៃប្រទេសទាំងពីរ។

មាត្រា៣

នីតិវិធីនៃការអនុវត្តក្របខ័ណ្ឌកិច្ចព្រមព្រៀងរួម

កិច្ចសហប្រតិបត្តិការនេះ ត្រូវអនុលោមតាមការអនុវត្តជាលក្ខណៈអន្តរជាតិ ការប្តេជ្ញាចិត្តក្នុងកិច្ចសហប្រតិបត្តិការទ្វេភាគីវៀតណាម-កម្ពុជា ការប្តេជ្ញាចិត្តរបស់ភាគីនីមួយៗជាមួយប្រទេសដទៃទៀត ទាំងក្នុងតំបន់ និងអន្តរជាតិ និងស្របតាមច្បាប់ និងបទប្បញ្ញត្តិជាធរមានរបស់ភាគីនីមួយៗ។

ក្នុងការអនុវត្តក្របខ័ណ្ឌនៃកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ស្ថាប័ន អាជ្ញាធរ និងភ្នាក់ងារមានសមត្ថកិច្ចពាក់ព័ន្ធរបស់ភាគីទាំងពីរ ត្រូវជួបពិភាក្សា ចរចា និងពន្លឿនល្បឿនលើការរៀបចំផែនការមេសម្រាប់ការតភ្ជាប់សេដ្ឋកិច្ចវៀតណាម-កម្ពុជា ដើម្បីតម្រង់ទិសដល់ការរៀបចំកម្មវិធី គម្រោង និងផែនការសកម្មភាព ឲ្យមានប្រសិទ្ធភាព និងស័ក្តិសិទ្ធិភាព។

មាត្រា៤

ហិរញ្ញប្បទាន និង ប្រភពធនធានហិរញ្ញវត្ថុ

ភាគីនីមួយៗត្រូវទទួលបន្ទុករៀងៗខ្លួនក្នុងការសម្របសម្រួល និងស្វែងរកធនធានអភិវឌ្ឍន៍ លើរាល់ការចំណាយនានាទាក់ទងទៅនឹងការអនុវត្តក្របខ័ណ្ឌកិច្ចព្រមព្រៀងរួម និងផែនការមេសម្រាប់ការតភ្ជាប់សេដ្ឋកិច្ចវៀតណាម-កម្ពុជា ព្រមទាំងការតាមដានត្រួតពិនិត្យ និងវាយតម្លៃការអនុវត្តផែនការមេ ការអនុវត្តកម្មវិធី គម្រោង និងផែនការសកម្មភាព។

មាត្រា ៥

កម្មសិទ្ធិបញ្ញា

១. កម្មសិទ្ធិបញ្ញាដែលមានទាក់ទងទៅនឹងឯកសារដើមនានា ដែលផ្តល់ដោយភាគីមួយទៅភាគីមួយផ្សេងទៀត ក្នុងគោលបំណងសម្រាប់ការរៀបចំផែនការមេ កម្មវិធី គម្រោង និងផែនការសកម្មភាព ដូចមានចែងក្នុងក្របខ័ណ្ឌនៃកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ គឺនៅតែជាកម្មសិទ្ធិបញ្ញារបស់ភាគីដែលផ្តល់ ហើយនឹងត្រូវបានគោរព និងរក្សាការពារ ដោយភាគីទទួលយកទៅប្រើប្រាស់។

២. កម្មសិទ្ធិបញ្ញាទាំងអស់ដែលបានបង្កើតដោយភាគីណាមួយទាក់ទងទៅនឹងការអនុវត្តផែនការមេ កម្មវិធី គម្រោង និងផែនការសកម្មភាព ដូចមានចែងក្នុងក្របខ័ណ្ឌនៃកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ គឺជាកម្មសិទ្ធិផ្តាច់មុខរបស់ភាគីដែលបានបង្កើត ឯភាគីទីពីរ ឬភាគីជទៃទៀត អាចប្រើប្រាស់កម្មសិទ្ធិបញ្ញានោះបាន លុះត្រាតែមានការអនុញ្ញាតពីភាគីសាមីដើមដែលបានបង្កើត។

៣. រាល់កម្មសិទ្ធិបញ្ញាដែលបានបង្កើតឡើងតាមរយៈនៃការសហការរួមគ្នាពីភាគីទាំងពីរ ដែលទាក់ទងទៅនឹងការរៀបចំ និងអនុវត្តផែនការមេ កម្មវិធី គម្រោង ផែនការសកម្មភាព ដូចមានចែងក្នុងក្របខ័ណ្ឌកិច្ចព្រមព្រៀងរួម ត្រូវជាកម្មសិទ្ធិបញ្ញារួមរបស់ភាគីទាំងពីរ។ ក្នុងករណីភាគីណាមួយមិនមានបំណងធ្វើជាម្ចាស់កម្មសិទ្ធិបញ្ញារួមគ្នា ភាគីទាំងពីរត្រូវមានការឯកភាពអនុញ្ញាតឲ្យភាគីណាមួយ ក្នុងចំណោមភាគីទាំងពីរធ្វើជាម្ចាស់កម្មសិទ្ធិបញ្ញាផ្តាច់មុខ។ ក្នុងករណីភាគីទាំងពីរ មិនចង់ធ្វើជាម្ចាស់កម្មសិទ្ធិបញ្ញា ភាគីទាំងពីរអាចផ្តល់សិទ្ធិអោយទៅភាគីទីបីធ្វើជាម្ចាស់កម្មសិទ្ធិបញ្ញាជំនួស។

៤. ភាគីទាំងពីរត្រូវគាំទ្រដល់ការចុះបញ្ជី រក្សា និងការពារកម្មសិទ្ធិបញ្ញា ដែលមានចែងក្នុងកថាខណ្ឌ១ ២ និង៣ នៃមាត្រា៥ នៃក្របខ័ណ្ឌកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ និងបទប្បញ្ញត្តិជាធរមានរបស់ភាគីនីមួយៗ។

មាត្រា៦

ការរក្សាការសម្ងាត់

ភាគីទាំងពីរត្រូវរក្សាព័ត៌មានសម្ងាត់ចំពោះភាគីជទៃទៀត ក្នុងការអនុវត្តផែនការមេ កម្មវិធី គម្រោង និងផែនការសកម្មភាព ដែលបម្រើឲ្យដល់ក្របខ័ណ្ឌនៃកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ។ ករណីមានសំណើពីភាគីទីបីស្នើសុំព័ត៌មានទៅភាគីណាមួយ ភាគីទាំងពីរត្រូវពិគ្រោះ និងឯកភាពគ្នាជាលាយលក្ខណ៍អក្សរ មុននឹងផ្តល់ព័ត៌មានទៅភាគីស្នើសុំ។

មាត្រា៧

វិសោធនកម្ម និងការកែសម្រួល

ក្របខ័ណ្ឌនៃកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ អាចធ្វើវិសោធនកម្ម និងកែសម្រួលបាន តាមរយៈការជូនដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍អក្សរ និងមានការឯកភាពគ្នាពីភាគីទាំងពីរ។ វិសោធនកម្ម និងការកែសម្រួលដែលមានការឯកភាពគ្នាហើយនឹងចូលជាធរមាន បន្ទាប់ពីភាគីទាំងពីរជូនដំណឹងគ្នាជាលាយលក្ខណ៍អក្សរតាមរយៈផ្លូវការទូត។ ការធ្វើវិសោធនកម្ម និងការកែសម្រួលដែលមានការឯកភាពគ្នា ត្រូវចាត់ទុកជាផ្នែកមួយនៃកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ។

មាត្រា៨

បទប្បញ្ញត្តិចុងក្រោយ

ក្របខ័ណ្ឌនៃកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ពុំមានប្រសិទ្ធភាពហាមឃាត់ភាគីណាមួយ ក្នុងការអនុវត្តសកម្មភាព ឬជ្រើសរើសយកវិធីសាស្ត្រ ដែលជាប្រយោជន៍សម្រាប់កិច្ចការការពារសន្តិសុខជាតិ សីលធម៌សង្គម សុខភាពមនុស្ស សត្វ ឬរុក្ខជាតិ បរិស្ថាន សិល្បៈ ប្រវត្តិសាស្ត្រ និងបុរាណវិទ្យា។

មាត្រា៩

ការដោះស្រាយវិវាទ

វិវាទដែលកើតមានឡើងក្នុងការអនុវត្តក្របខ័ណ្ឌនៃកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ឬទាក់ទងនឹងការរៀបចំ និងអនុវត្តផែនការមេសម្រាប់ការតភ្ជាប់សេដ្ឋកិច្ចវៀតណាម-កម្ពុជា កម្មវិធី គម្រោង និងផែនការសកម្មភាព ត្រូវធ្វើការដោះស្រាយដោយស្មារតីមិត្តភាព តាមរយៈការពិគ្រោះយោបល់ និងការចរចាគ្នា ដោយអាជ្ញាធរ និងស្ថាប័នដែលមានសមត្ថកិច្ចពាក់ព័ន្ធរបស់ភាគីទាំងពីរ។

មាត្រា១០

ការចូលជាធរមាន សុពលភាព និងការបញ្ចប់

កិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ចូលជាធរមានចាប់ពី ថ្ងៃដែលភាគីទាំងពីរចុះហត្ថលេខា និងមានសុពលភាពរហូតដល់ដំណាច់ឆ្នាំ២០៣០។

ក្នុងករណីដែលភាគីណាមួយមិនអាចអនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ភាគីនោះអាចស្នើបញ្ចប់កិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ដោយជូនដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍អក្សរតាមរយៈផ្លូវការទូត រយៈពេលយ៉ាងតិច ៦ខែ (ប្រាំមួយខែ) មុននឹងបញ្ចប់កិច្ចព្រមព្រៀងរួម។ ក្នុងករណីកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះត្រូវបានបញ្ចប់ ការបន្តអនុវត្ត ឬការបញ្ឈប់ការអនុវត្ត កម្មវិធី គម្រោង

និងផែនការសកម្មភាព ដែលកំពុងដំណើរការក្រោមកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ត្រូវផ្អែកលើច្បាប់ និងបទប្បញ្ញត្តិជាធរមាននៃប្រទេសទាំងពីរ។

ជាសក្ខីភាព កិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ត្រូវបានចុះហត្ថលេខាដោយតំណាងរដ្ឋាភិបាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងតំណាងរាជរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា។

ធ្វើនៅភ្នំពេញ នាថ្ងៃទី២០ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០១៧ ជាពីរច្បាប់ដើម សម្រាប់ភាសានីមួយៗ ៖ ភាសាខ្មែរ ភាសាវៀត និងភាសាអង់គ្លេស។ ក្នុងករណីដែលមានវិវាទក្នុងការអនុវត្ត និងបកស្រាយកិច្ចព្រមព្រៀងរួមនេះ ភាគីទាំងពីរយកកិច្ចព្រមព្រៀងរួមភាសាអង់គ្លេសធ្វើជាគោល។

តំណាងរដ្ឋាភិបាល	**តំណាងរាជរដ្ឋាភិបាល**
នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម	**នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា**
Nguyễn Chí Dũng	
ឡៀង ឌីយ៉ុង	**ឆាយ ថន**
រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងផែនការ និងវិនិយោគ	**ទេសរដ្ឋមន្ត្រី រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងផែនការ**